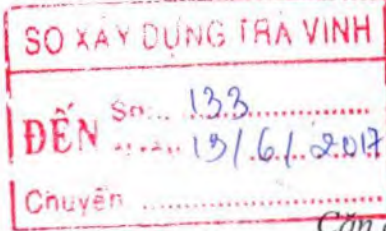


Số: 08 /2017/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông  
trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/06/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 13/3/2017.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 6 năm 2017 và các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính liên quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước đây khác hoặc trái với nội dung tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này, các Sở, ngành tỉnh liên quan điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- VPCP, các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Giao thông VT, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông VT, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương (03b);
- BLĐVP;
- Phòng CNXD;
- Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, NC. **43b.**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**



**QUY CHẾ**

**Phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông  
trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2017/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm phối hợp, trình tự và thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông giữa Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương (viết tắt là Cơ quan chuyên môn về xây dựng) với các Sở, Ban, ngành tỉnh (gọi tắt là Sở, ngành), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Quy trình thực hiện thủ tục hành chính từ giai đoạn tiếp nhận hồ sơ đến khi ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính (kết quả thẩm định) thông qua đơn vị đầu mối là Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương (theo lĩnh vực được phân công phụ trách của cơ quan).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng và thẩm quyền giải quyết**

1. Đối tượng áp dụng:

- Sở Xây dựng.
- Sở Giao thông vận tải.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Sở Công Thương.
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan.
- Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư dự án ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Nhà đầu tư hoặc Chủ đầu tư).



2. Thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng của dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị).

b) Sở Giao thông vận tải đối với công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định tại Điểm a Khoản này).

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Sở Công thương đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

**Điều 3. Sản phẩm đầu ra tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương.**

1. Văn bản thông báo Kết quả thẩm định Dự án đầu tư xây dựng.

2. Văn bản thông báo Kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Văn bản thông báo Kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở của dự án.

4. Văn bản thông báo Kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng.

5. Văn bản thông báo Kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng.

**Điều 4. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính**

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giải quyết và nhận kết quả cuối cùng tại Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương thông qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, Sở Công Thương.

2. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương là đơn vị đầu mối, tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả cuối cùng cho Nhà đầu tư.

Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; phối hợp và đôn đốc các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền và trả kết quả cho Nhà đầu tư theo thời gian quy định.

3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan khi tiếp nhận hồ



sơ từ Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương chuyển đến để lấy ý kiến, chịu trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền và phải có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương theo đúng nội dung, thời gian quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm về nội dung ý kiến thẩm định thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

4. Các trường hợp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quy chế này:

a) Các dự án phải xin ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương liên quan, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ theo quy định pháp luật.

b) Các dự án phải xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; lấy ý kiến của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi thẩm định. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương biết để thông báo đến Nhà đầu tư.

c) Thời gian Nhà đầu tư tổ chức thẩm tra để phục vụ thẩm định và thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của tổ chức thẩm tra, thẩm định.

d) Thời gian thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

đ) Thời gian thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường.

e) Thời gian thực hiện các thủ tục đấu nối về hạ tầng kỹ thuật (đấu nối điện, cấp - thoát nước, đấu nối đường giao thông,...).

g) Thời gian Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

5. Thủ tục giải quyết hồ sơ được niêm yết công khai tại các Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Trang thông tin điện tử của các Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

### **Điều 5. Trách nhiệm của Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phối hợp thực hiện thủ tục hành chính.**

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm:

- Tiếp nhận hồ sơ từ Nhà đầu tư tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định; cập nhật vào sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu hồ sơ vào máy tính; viết giấy biên nhận và phiếu hẹn thời gian trả kết quả, lập phiếu luân chuyển hồ sơ



ghi rõ thời gian giải quyết, gửi đến Bộ phận phụ trách công tác thẩm định; Bộ phận phụ trách công tác thẩm định xem xét hồ sơ và gửi đến các cơ quan cần lấy ý kiến thẩm định liên quan đến dự án hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Quy chế này.

- Trường hợp hồ sơ chưa đúng, chưa đủ theo quy định thì trong thời gian thực hiện việc tiếp nhận Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ trực tiếp hoặc bằng văn bản để Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh theo đúng như nội dung đã niêm yết công khai tại Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Tổng hợp các ý kiến đóng góp vào kết quả thẩm định và gửi cho Nhà đầu tư và các đơn vị có liên quan biết để chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ; đồng thời hướng dẫn Nhà đầu tư để biết và triển khai thực hiện bước tiếp theo.

2. Các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo quy trình thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương chuyển đến và có văn bản trả lời theo thời gian quy định tại Quy chế này. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến thẩm định và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG** **THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

**Điều 6. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục thẩm định Dự án, Thiết kế cơ sở của dự án**

1. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (viết tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình (viết tắt là Thông tư số 18/2016/TT-BXD).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ:

- Đối với thẩm định dự án: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan thẩm



định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn (*thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng nêu trên*).

- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở: Không quá 10 (mười) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 8 (tám) ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn (*thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng nêu trên*).

3. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục thẩm định dự án, thiết kế cơ sở.

- Đối với thẩm định dự án: Trong thời gian 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan đến các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến dự án.

- Đối với thiết kế cơ sở: Trong thời gian 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến thiết kế cơ sở của dự án.

- Thời gian có văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến thẩm định: Không quá 8 (tám) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 6 (sáu) ngày làm việc đối với dự án nhóm C. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu Nhà đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra để phục vụ công tác thẩm định: Trong thời gian 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho Nhà đầu tư về các nội dung cần thẩm tra để Nhà đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra.

+ Thời gian thẩm tra đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách: Không quá 8 (tám) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 5 (năm) ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

+ Thời gian thẩm tra đối với dự án sử dụng vốn khác: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tổng hợp và ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi Nhà đầu tư.



- Đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian lấy ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan và kết quả thẩm tra (nếu có), Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tổng hợp và ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi Chủ đầu tư và Sở Kế hoạch Đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

- Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác do các Nhà đầu tư quyết định đầu tư: Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian lấy ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan và kết quả thẩm tra (nếu có), Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, tổng hợp và ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi Chủ đầu tư và hướng dẫn thủ tục để Nhà đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

**Điều 7. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.**

1. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: Không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

- Trong thời gian 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ có liên quan đến các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến dự án.

- Thời gian có văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến thẩm định: Không quá 5 (năm) ngày làm việc. Nếu quá thời hạn này, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến thẩm định và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu Nhà đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra để phục vụ công tác thẩm định:

+ Trong thời gian 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho Nhà đầu tư về các nội dung cần thẩm tra để Nhà đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra.

+ Thời gian thẩm tra không quá 5 (năm) ngày làm việc.



4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổng hợp và ban hành kết quả thẩm định: Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian lấy ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan và kết quả thẩm tra (nếu có), Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tổng hợp và ban hành kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định và Sở Kế hoạch Đầu tư để phê duyệt hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

**Điều 8. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng, Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng.**

1. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III và 10 (mười) ngày làm việc đối với công trình cấp IV, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng, Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật: Trong thời gian 2 (hai) ngày làm việc cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để thẩm định các nội dung trên.

- Thời gian có văn bản thông báo kết quả thẩm định của các cơ quan được yêu cầu thẩm định các nội dung cần thiết: Không quá 8 (tám) ngày đối với công trình cấp II, cấp III và 5 (năm) ngày đối với công trình cấp IV. Nếu quá thời hạn này, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến thẩm định và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu Nhà đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra để phục vụ thẩm định: Trong thời gian 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho Nhà đầu tư về các nội dung cần thẩm tra để Nhà đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra.

+ Thời gian thẩm tra đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách: Không quá 8 (tám) ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III và 5 (năm) ngày làm việc đối với các công trình cấp IV.



+ Thời gian thẩm tra đối với công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác do Nhà đầu tư quyết định đầu tư: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổng hợp và ban hành kết quả thẩm định.

- Đối với các công trình thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian lấy ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan và kết quả thẩm tra (nếu có), Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tổng hợp và ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi Nhà đầu tư để hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định và trình phê duyệt.

- Đối với các công trình dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác do Nhà đầu tư quyết định đầu tư: Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian lấy ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan và kết quả thẩm tra (nếu có), Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, tổng hợp và ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư và hướng dẫn thủ tục để chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Xây dựng, cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương).

a) Thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy định tại Quy chế này.

b) Hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung đối với những hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ hoặc chưa đúng quy định.

c) Phối hợp các Sở, ngành rà soát thống nhất các quy trình thủ tục, thời gian giải quyết theo hướng đơn giản và rút ngắn thời gian; tổ chức niêm yết công khai các quy định về quy trình giải quyết, thời gian, thủ tục, biểu mẫu hồ sơ từng thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan về xây dựng để tổ chức, cá nhân (Nhà đầu tư) biết thực hiện.

d) Thu và nộp phí theo đúng quy định.

2. Các Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc phối hợp xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông, có trách nhiệm:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện nghiêm Quy chế này.



b) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đảm bảo đúng thời gian quy định.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Nhà đầu tư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này tổ chức phổ biến, triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các Nhà đầu tư để biết, thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Nhà đầu tư có ý kiến bằng văn bản gửi đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

~~CHỦ TỊCH~~  
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~



Nguyễn Trung Hoàng



